TOÀ ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN CÁI BÈ** **TỈNH TIỀN GIANG**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 57/2024/DS-ST
Ngày: 19-3-2024
V/v tranh chấp "Hợp đồng vay tài sản"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CÁI BÈ, TỈNH TIỀN GIANG

- ***Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có***:
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông **Nguyễn Thanh Vũ**
Các Hội thẩm nhân dân:
1. Ông **Võ Văn Cường**
2. Ông **Huỳnh Văn Minh**

- ***Thư ký phiên tòa***: Ông **Cao Trần Khắc Huy** là Thư ký Tòa án nhân dân huyện Cái Bè, tỉnh Tiền Giang.

- ***Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Cái Bè, tỉnh Tiền Giang*** *không tham gia phiên tòa.*

Ngày 19 tháng 3 năm 2024 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Cái Bè xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 44/2024/TLST-DS ngày 15 tháng 01 năm 2024 về tranh chấp "Đòi lại tài sản" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 38A/2024/QĐXX-ST ngày 23 tháng 02 năm 2024 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn:
1.1 Ông **Nguyễn Văn C** sinh năm: 1980
Địa chỉ: ấp L, xã N, huyện T, tỉnh Long An
1.2 Ông **Trần Hữu P** sinh năm: 1981
Địa chỉ: ấp A, xã B, huyện C, tỉnh Tiền Giang
Người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn ông Nguyễn Văn C, ông Trần Hữu P: Ông **Lê Hoàng A** sinh năm: 1964
Địa chỉ: số 362B, tổ H, khu K, thị trấn G, huyện C, tỉnh Tiền Giang
(Văn bản ủy quyền ngày 05 tháng 01 năm 2024)

2. Bị đơn:
2.1 Ông **Huỳnh Văn Â** sinh năm: 1966
2.2 Bà **Nguyễn Thị A** sinh năm: 1966
2.3 Anh **Huỳnh Văn N** sinh năm: 1995
Cùng địa chỉ: ấp A, xã B, huyện C, tỉnh Tiền Giang

(Ông A có mặt; ông Â, bà A, anh N vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện ngày 04 tháng 01 năm 2024, biên bản hòa giải ngày 23 tháng 02 năm 2024 và trong quá trình giải quyết vụ án người đại diện theo ủy quyền nguyên đơn ông Nguyễn Văn C, ông Trần Hữu P là ông Lê Hoàng A trình bày: Vào ngày năm 2016 ông Nguyễn Văn C, ông Trần Hữu P có nhận cầm cố của ông Huỳnh Văn Â, bà Nguyễn Thị A, anh Huỳnh Văn N thửa đất có diện tích 4.800m^2, tọa lạc tại ấp A, xã B, huyện C, tỉnh Tiền Giang với giá 55 chỉ vàng 24k để trồng lúa, thời hạn cầm cố là 03 năm tính từ ngày 14 tháng 3 năm 2016 âm lịch đến ngày 14 tháng 3 năm 2019 âm lịch, hết hạn hợp đồng bên cầm cố không chuộc lại đất thì ông C, ông P tiếp tục canh tác cho đến khi hết vụ thì bên cầm cố có quyền chuộc lại phần đất cầm cố. Hai bên có lập giấy cầm đất ruộng ngày 20 tháng 4 năm 2016 làm cơ sở, ông C, ông P đã giao đủ 55 chỉ vàng 24k cho ông Â và nhận đất canh tác từ đó. Đến nay đã hết hạn cầm cố và ông C, ông P đã trả lại đất cho gia đình ông Â nhưng ông Â, bà A, anh N không trả lại 55 chỉ vàng 24k cho ông C, ông P. Nay ông đại diện cho ông C, ông P yêu cầu ông Â, bà A, anh N trả cho ông C, ông P 55 chỉ vàng 24k làm 01 lần sau khi bản án có hiệu lực pháp luật.

Tại biên bản hòa giải ngày 23 tháng 02 năm 2024 và trong quá trình giải quyết vụ án bị đơn là ông Huỳnh Văn Â trình bày: Ông thống nhất có cầm cố đất số vàng là 55 chỉ vàng 24k. Nay ông có ý kiến trong thời hạn 01 tháng nguyên đơn phải dọn dẹp dây kẽm và cỏ trên đất để trả lại đất cho bị đơn, khi đó bị đơn sẽ trả lại 55 chỉ vàng 24k cho ông C, ông P. Nay chưa có đủ số vàng để trả lại ông C, ông P, khi nào vay Ngân hàng được sẽ trả 55 chỉ vàng 24k cho ông C, ông P.

Đối với bà Nguyễn Thị A, anh Huỳnh Văn N đã được Tòa án nhân dân huyện C, tỉnh Tiền Giang tống đạt hợp lệ Thông báo về việc thụ lý vụ án và các văn bản tố tụng khác nhưng bà A, anh N không có văn bản gửi Tòa án thể hiện ý kiến của mình đối với yêu cầu khởi kiện của ông C, ông P xem như bà A, anh N từ bỏ quyền trình bày để bảo vệ quyền lợi cho mình.

Tại phiên tòa ông A vẫn giữ nguyên yêu cầu như trên; ông Â, bà A, anh N đã được Tòa án nhân dân huyện C, tỉnh Tiền Giang triệu tập hợp lệ nhiều lần nhưng vẫn cố tình vắng mặt không lý do nên Hội đồng xét xử quyết định xét xử vắng mặt ông Â, bà A, anh N là phù hợp Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên toà, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thẩm quyền: Ông Nguyễn Văn C, ông Trần Hữu P khởi kiện ông Huỳnh Văn Â, bà Nguyễn Thị A, anh Huỳnh Văn N về việc đòi lại tài sản; ông Â, bà A, anh N cư trú tại ấp A, xã B, huyện C, tỉnh Tiền Giang. Do đó, Tòa án nhân dân huyện C, tỉnh Tiền Giang thụ lý giải quyết là đúng thẩm quyền quy định tại Điều 35, Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Về quan hệ pháp luật: Theo đơn khởi kiện nguyên đơn ông Nguyễn Văn C, ông Trần Hữu P yêu cầu ông Huỳnh Văn Â, bà Nguyễn Thị A, anh Huỳnh Văn N trả vàng nên xác định quan hệ pháp luật là "Tranh chấp đòi lại tài sản" theo quy định tại Điều 166 Bộ luật dân sự.

[3] Về nội dung: Giữa ông Nguyễn Văn C, ông Trần Hữu P và ông Huỳnh Văn Â, bà Nguyễn Thị A, anh Huỳnh Văn N thực tế có xảy ra việc cầm cố đất với nhau được ông Lê Hoàng A và ông Huỳnh Văn Â thừa nhận tại biên bản hòa giải ngày 23 tháng 02 năm 2024, thể hiện qua "Giấy cầm đất ruộng" ngày 20 tháng 4 năm 2016 do ông C, ông P cung cấp, có chữ ký tên của ông C, ông P, ông Â, bà A, anh N. "Giấy cầm đất ruộng" có nội dung thể hiện ông Â, bà A, anh N cầm cố thửa đất có diện tích 4.800m^2 tọa lạc tại ấp A, xã B, huyện C, tỉnh Tiền Giang với giá 55 chỉ vàng 24k cho ông C, ông P để trồng lúa, thời hạn cầm cố là 03 năm tính từ ngày 14 tháng 3 năm 2016 âm lịch đến ngày 14 tháng 3 năm 2019 âm lịch, hết hạn hợp đồng bên cầm cố không chuộc lại đất thì ông C, ông P tiếp tục canh tác cho đến khi hết vụ thì bên cầm cố có quyền chuộc lại phần đất cầm cố. Tại phiên tòa ông Â, bà A, anh N vắng mặt nhưng tại Biên bản hòa giải ngày 23 tháng 02 năm 2024 ông Â thống nhất có cầm đất cho ông C, ông P với số vàng là 55 chỉ vàng 24k, ông Â yêu cầu ông C, ông P dọn cỏ, dây kẽm trên phần đất ông cầm cố cho ông C, ông P trong thời hạn 01 tháng, khi nào ông vay tiền Ngân hàng được ông sẽ trả lại 55 chỉ vàng 24k cho ông C, ông P. Tại phiên tòa, ông A là người đại diện theo ủy quyền của ông C, ông P xác định ông C, ông P đã dọn cỏ, dây kẽm trên phần đất mà ông C, ông P nhận cầm cố của gia đình ông Â xong được thể hiện qua các hình ảnh mà ông A cung cấp; ông A yêu cầu ông Â, bà A, anh N trả ông C, ông P 55 chỉ vàng 24k làm 01 lần sau khi bản án có hiệu lực pháp luật, không đồng ý việc khi nào ông Â vay tiền Ngân hàng được ông sẽ trả lại 55 chỉ vàng 24k cho ông C, ông P. Xét thấy, ông Â, bà A, anh N đã nhận được quyền của mình là nhận đủ số vàng cầm cố đất từ ông C, ông P nhưng đến khi hết hạn hợp đồng cầm cố ông C, ông P đã làm cỏ, dọn dây kẽm trả lại đất cho ông Â, bà A, anh N nhưng ông Â, bà A, anh N lại không thực hiện việc trả vàng theo thỏa thuận cho ông C, ông P là cố tình kéo dài thời gian làm ảnh hưởng đến quyền và lợi ích hợp pháp của ông C, ông P. Do đó, cần buộc ông Â, bà A, anh N phải có nghĩa vụ trả ông C, ông P 55 chỉ vàng 24k làm 01 lần là phù hợp điều 166 Bộ luật dân sự.

[4] Về án phí: Ông Huỳnh Văn Â, bà Nguyễn Thị A, anh Huỳnh Văn N phải chịu án phí dân sự sơ do yêu cầu khởi kiện của ông Nguyễn Văn C, ông Trần Hữu P được Hội đồng xét xử chấp nhận. Ông Nguyễn Văn C, ông Trần Hữu P không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm do yêu cầu khởi kiện của ông C, ông P được Hội đồng xét xử chấp nhận.

[5] Giá vàng 24k tại thời điểm xét xử sơ thẩm là 6.750.000 đồng (sáu triệu bảy trăm năm mươi nghìn đồng)/chỉ làm cơ sở tính án phí.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào Điều 166 Bộ luật dân sự năm 2015; Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án; Điều 35, Điều 39, Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

Xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Nguyễn Văn C, ông Trần Hữu P.

Buộc ông Huỳnh Văn Â, bà Nguyễn Thị A, anh Huỳnh Văn N phải có nghĩa vụ trả ông Nguyễn Văn C, ông Trần Hữu P 55 (năm mươi lăm) chỉ vàng 24k, trả làm 01 lần.

2. Về án phí:

2.1 Ông Huỳnh Văn Â, bà Nguyễn Thị A, anh Huỳnh Văn N phải chịu án phí dân sự sơ thẩm là 18.562.500 đồng (mười tám triệu năm trăm sáu mươi hai nghìn năm trăm đồng).

2.2 Ông Nguyễn Văn C, ông Trần Hữu P không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm, hoàn trả lại cho ông C, ông P 8.000.000 đồng (tám triệu đồng) tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0014869 ngày 15 tháng 01 năm 2024 của Chi cục thi hành án dân sự huyện C, tỉnh Tiền Giang.

3. Về quyền kháng cáo: Ông Nguyển Văn C, ông Trần Hữu P được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án để yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Tiền Giang xét xử phúc thẩm. Đối với ông Huỳnh Văn Â, bà Nguyễn Thị A, anh Huỳnh Văn N thời hạn kháng cáo trên được tính kể từ ngày được tống đạt hợp lệ bản án.

4. Trường hợp bản án được thi hành án theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại điều 30 Luật thi hành án dân sự.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nơi nhận:
- Các đương sự;
- VKSND huyện C;
- Chi cục THADS huyện C;
- Lưu hồ sơ vụ án.

Nguyễn Thanh Vũ